

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN GÒ VẤP**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Được kiểm toán bởi:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN THÁI BÌNH DƯƠNG (PACIFIC AUDIT)



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN GÒ VẤP

MỤC LỤC	Trang
1. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	01 - 02
2. BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	03 - 04
3. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	05 - 06
4. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	07
5. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	08
6. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	09 - 33

CÔNG
TY
T
H
H
M
Ộ
T
T
H
À
N
H
V
I
È
N
D
I
C
H
V
U
C
O
N
G
I
C
H
Q
U
A
N
G
O
V
A
P

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Công ích Quận Gò Vấp (sau đây gọi tắt là 'Công ty') trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Công ích Quận Gò Vấp là Công ty TNHH được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301448324 ngày 24 tháng 08 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Thay đổi lần thứ 5, ngày cấp 30/11/2015.

Công ty được thành lập ban đầu là Xí nghiệp Công trình đô thị Gò Vấp theo Quyết định 6078/QĐ-UB-KT ngày 29/10/1997 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh sau đó chuyển đổi thành Công ty Dịch vụ Công ích Quận Gò Vấp theo Quyết định số 2536 ngày 09/06/2010 của Ủy Ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Chủ sở hữu của Công ty là Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ 30.011.000.000 đồng

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ: Số 179A Dương Quang Hàm, Phường 5, Quận Gò Vấp, Tp Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại: 028 39853219
Fax: 028 39853220
Email: contract@cigova.com
Website: cigova.vn
Mã số thuế: 0301448324

Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

Hội đồng thành viên:

Hội đồng thành viên:	Chức vụ
- Ông Ngô Hệ Chính	Chủ tịch
- Ông Võ Quang Sơn	Thành viên
- Ông Bùi Minh Quang	Thành viên

Kiểm soát viên

- Ông Đỗ Văn Mạnh	Kiểm soát viên
-------------------	----------------

Ban Giám đốc và kế toán trưởng:

Ban Giám đốc và kế toán trưởng:	Chức vụ
- Ông Võ Quang Sơn	Giám đốc
- Ông Phan Xuân Thiện	Phó Giám đốc
- Ông Nguyễn Ngọc Thụy	Phó Giám đốc
- Ông Lê Thành Tín	Kế toán trưởng

Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Ngày 07/5/2019 Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành quyết định số 1738/QĐ-UBND về quy định phân công thực hiện Quy trình chuyên doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần. Công ty đang tiến hành các thủ tục theo quy định.

Trừ vấn đề nêu trên, không có bất kỳ một nghiệp vụ hay sự kiện nào bất thường phát sinh từ sau ngày kết thúc niên độ đến ngày lập báo cáo này có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo của Ban Giám đốc, đến kết quả sản xuất kinh doanh của năm tài chính hiện hành.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ngành nghề kinh doanh

- Quét rọn, thu gom rác và công trình;
- Duy tu bảo dưỡng công trình giao thông;
- Quản lý bảo dưỡng và cho thuê nhà thuộc sở hữu nhà nước theo phân cấp quản lý
- Xây dựng công nghiệp, dân dụng;
- Sửa chữa nhà và trang trí nội thất;
- Sửa chữa, duy tu, đào đắp các công trình, san lấp mặt bằng;
- Dịch vụ vệ sinh đô thị (Hút hầm cầu, phá dỡ và dọn dẹp công trình), mai táng, tư vấn nhà đất
- Thi công sân vườn non bộ, nội ngoại thất công trình;
- Thi công công trình thủy lợi quy mô nhỏ, hệ thống cấp nước;
-

Kiểm toán viên

Công ty TNHH kiểm toán Thái Bình Dương được chỉ định thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và bày tỏ nguyện vọng tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng.
- Các chuẩn mực kế toán được tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch đến mức cần phải được công bố và giải thích cho báo cáo tài chính này; những nội dung cần thuyết minh đã được thuyết minh cho báo cáo tài chính.
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành.
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh, cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Ngày 26 tháng 01 năm 2022

Thay mặt và Đại diện Ban Giám đốc



Võ Quang Sơn
Giám đốc



"Mang đến niềm tin"

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN THÁI BÌNH DƯƠNG

01 Núi Thành, P. 13, Q. Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

ĐT: (028) 3813 2259 – Fax: (028) 3813 2258

Homepage: www.pacificaudit.com.vn

E-mail: Pacificaudit@gmail.com

Số 003.../2022/BCKiTTTC-TBD

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Hội đồng thành viên và Ban Giám đốc

Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Công ích Quận Gò Vấp

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Công ích Quận Gò Vấp, được lập ngày 26 tháng 01 năm 2022, từ trang 05 đến trang 33, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám Đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Công ích Quận Gò Vấp tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Các vấn đề khác

Công ty tạm trích quỹ tiền lương năm 2021 của viên chức quản lý và người lao động theo Thông báo số 5247/TB-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Quận Gò Vấp. Công ty đang chờ quyết định phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền quỹ tiền lương thực hiện năm 2021.

Quỹ tiền lương năm 2020 đã được phê duyệt theo Thông báo số 1680/TB-UBND ngày 13 tháng 05 năm 2021 xác định Quỹ tiền lương thực hiện của người lao động và thẩm định quỹ tiền lương, thù lao thực hiện người quản lý của Công ty TNHH MTV Dịch vụ công ích Quận Gò Vấp năm 2020.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 01 năm 2022

ĐẠI DIỆN CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN THÁI BÌNH DƯƠNG (PACIFIC AUDIT)

Giám đốc



Kiểm toán viên



Nguyễn Thành Đức

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1498-2018-196-1

Trần Minh Bảo

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3219-2020-196-1



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN GÒ VẤP

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	TẠI NGÀY 31/12/2021	TẠI NGÀY 01/01/2021
C- NỢ PHẢI TRẢ	300		54.592.862.373	57.862.142.228
I. Nợ ngắn hạn	310		50.077.089.647	54.708.369.502
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	930.915.470	3.414.447.559
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	225.104.000	223.420.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	2.501.151.209	4.374.129.479
4. Phải trả người lao động	314	V.16	19.730.517.376	23.786.865.456
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		9.890.449	14.432.543
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17a	2.333.150.382	1.771.743.752
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.20a	3.559.869.350	4.920.373.425
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.18	20.786.491.411	16.202.957.288
II. Nợ dài hạn	330		4.515.772.726	3.153.772.726
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.17b	1.495.500.000	1.558.500.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.20b	1.330.000.000	405.000.000
3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	V.19	1.690.272.726	1.190.272.726
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		48.871.300.964	49.967.340.511
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.21	46.409.475.850	47.505.515.397
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		30.013.180.504	30.013.180.504
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		3.745.929.538	3.745.929.538
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		12.650.365.808	13.746.405.355
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		12.650.365.808	13.746.405.355
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	V.22	2.461.825.114	2.461.825.114
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		2.461.825.114	2.461.825.114
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		103.464.163.337	107.829.482.739

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.

Ngày 26 tháng 01 năm 2022

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc





Huỳnh Mỹ Phương

Lê Thành Tín

Võ Quang Sơn

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NĂM 2021	NĂM 2020
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	142.448.004.364	172.890.806.754
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		142.448.004.364	172.890.806.754
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	118.060.346.738	146.855.901.627
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		24.387.657.626	26.034.905.127
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	1.227.666.056	1.637.537.207
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	563.775.685	915.226.791
- trong đó: chi phí lãi vay	23		563.775.685	915.226.791
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.05	10.026.143.945	11.245.142.749
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		15.025.404.052	15.512.072.794
11. Thu nhập khác	31	VI.06	44.672.728	559.831.047
12. Chi phí khác	32	VI.07	-	75.431.948
13. Lợi nhuận khác	40		44.672.728	484.399.099
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		15.070.076.780	15.996.471.893
15. Chi phí Thuế TNDN hiện hành	51	VI.09	2.109.810.750	2.250.066.538
16. Chi phí Thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		12.960.266.030	13.746.405.355

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.

Ngày 26 tháng 01 năm 2022

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc





Huỳnh Mỹ Phương

Lê Thành Tín

Võ Quang Sơn

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NĂM 2021	NĂM 2020
I - Lưu chuyển tiền từ hoạt động sản xuất, kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	01		15.070.076.780	15.996.471.893
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>				
- Khấu hao tài sản cố định	02		6.324.538.172	5.762.786.216
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.227.666.056)	(1.637.537.207)
- Chi phí lãi vay	06		(563.775.685)	915.226.791
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		19.603.173.211	21.036.947.693
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(524.026.097)	1.438.339.281
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(482.846.578)	898.507.705
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		(2.833.775.780)	(39.484.575.082)
- Tăng giảm chi phí trả trước	12		400.109.883	(6.290.413)
- Tiền lãi vay đã trả	14		563.775.685	(900.794.248)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		2.276.384.123	3.145.393.881
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	42.341.962.571
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(27.415.736.817)	(64.104.086.214)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(8.412.942.370)	(35.634.594.826)
II - Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
- Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		4.492.945.456	5.760.000.000
- Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(23.610.400)	(41.000.000.000)
- Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	43.911.542.234
- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.227.666.056	1.637.537.207
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		5.697.001.112	10.309.079.447
III - Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
- Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		13.640.022.756	20.192.543.980
- Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(14.075.526.831)	(23.773.334.435)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(435.504.075)	(3.580.790.435)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(3.151.445.333)	(28.906.305.819)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		27.727.130.045	56.633.435.865
Tiền tồn cuối kỳ	70		24.575.684.712	27.727.130.045

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.

Ngày 26 tháng 01 năm 2022

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Huỳnh Mỹ Phương

Lê Thành Tín

Võ Quang Sơn



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Công ích Quận Gò Vấp là Công ty TNHH được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301448324 ngày 24 tháng 08 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Thay đổi lần thứ 5, ngày cấp 30/11/2015.

Công ty được thành lập ban đầu là Xí nghiệp Công trình đô thị Gò Vấp theo Quyết định 6078/QĐ-UB-KT ngày 29/10/1997 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh sau đó chuyển đổi thành Công ty Dịch vụ Công ích Quận Gò Vấp theo Quyết định số 2536 ngày 09/06/2010 của Ủy Ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Chủ sở hữu của Công ty là Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Hình thức sở hữu vốn: Công ty TNHH Một thành viên do Nhà nước chủ sở hữu

- Vốn điều lệ: 30.011.000.000 VND

Trụ sở đặt tại: Số 179A Dương Quảng Hàm, Phường 5, Quận Gò Vấp, Tp Hồ Chí Minh, Việt Nam

2. Lĩnh vực kinh doanh: Dịch vụ công cộng, xây dựng....

3. Ngành nghề kinh doanh:

- Quét rọn, thu gom rác và công trình;
- Duy tu bảo dưỡng công trình giao thông;
- Quản lý bảo dưỡng và cho thuê nhà thuộc sở hữu nhà nước theo phân cấp quản lý
- Xây dựng công nghiệp, dân dụng;
- Sửa chữa nhà và trang trí nội thất;
- Sửa chữa, duy tu, đào đắp các công trình, san lấp mặt bằng;
- Dịch vụ vệ sinh đô thị (Hút hầm cầu, phá dỡ và dọn dẹp công trình), mai táng, tư vấn nhà đất
- Thi công sân vườn non bộ, nội ngoại thất công trình;
- Thi công công trình thủy lợi quy mô nhỏ, hệ thống cấp nước;

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng

5. Nhân viên

Số lượng cán bộ công nhân viên tại ngày ngày 31 tháng 12 năm 2021 Công ty có 348 người.

6. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Ngày 07/5/2019 Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành quyết định số 1738/QĐ-UBND về quy định phân công thực hiện Quy trình chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần. Công ty đang tiến hành các thủ tục theo quy định.

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm:

Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

Đơn vị sử dụng đồng Việt Nam (VNĐ) trong hạch toán kế toán.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Vì vậy, Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam.

3. Hình thức sổ kế toán áp dụng: Nhật ký chung

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền

Nguyên tắc xác định các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:

Tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng và tiền mặt tại quỹ;

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 12 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán:

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế của Ngân hàng Nhà nước vào ngày phát sinh nghiệp vụ;

Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán;

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ được kết chuyển vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

2. Các khoản phải thu

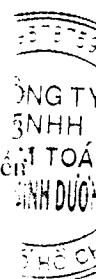
Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi;

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được tính vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

3. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

a. Nguyên tắc ghi nhận tồn kho:



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ (-) chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

b. Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Bình quân gia quyền

c. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kê khai thường xuyên

d. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

Trong năm, đơn vị chưa trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ)

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ:

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được tính vào giá trị tài sản, chi phí bảo trì sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi (lỗ) nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Phương pháp khấu hao TSCĐ:

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao áp dụng theo thời gian quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài Chính, thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Loại TSCĐ	Năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08

5. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước dài hạn

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian từ 1 đến 3 năm.

- Công cụ dụng cụ xuất dùng;
- Chi phí sửa chữa tài sản cố định.

6. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Nợ phải trả được ghi nhận khi có đủ điều kiện chắc chắn là doanh nghiệp sẽ phải dùng một lượng tiền chi ra để trang trải cho những nghĩa vụ hiện tại và khoản nợ phải trả đó phải xác định một cách đáng tin cậy.

7. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực góp của chủ sở hữu.

8. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

a. Doanh thu bán hàng:

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được Chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

b. Doanh thu cung cấp dịch vụ:

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 4 điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành;
- Xác định được Chi phí phát sinh và Chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

c. Doanh thu hoạt động tài chính:

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

d. Doanh thu hợp đồng xây dựng:

Doanh thu từ các hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo phương pháp tỉ lệ phần trăm công việc hoàn thành dựa vào mức độ hoàn thành công việc vào ngày kết thúc năm tài chính.

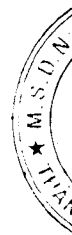
e. Doanh thu từ hoạt động liên doanh

Doanh thu từ các hợp đồng liên danh liên kết phân chia doanh thu được ghi nhận theo tỉ lệ phân chia doanh thu theo thỏa thuận của hợp đồng.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí cho vay và đi vay vốn;



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính bao gồm thuế thu nhập phải trả trong năm và thuế thu nhập hoãn lại;

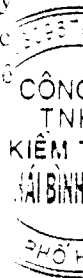
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành thể hiện số thuế phải nộp trong năm tài chính theo thuế suất được áp dụng vào ngày kết thúc năm tài chính và bất kỳ bút toán điều chỉnh đối với số thuế phải nộp của năm trước;

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định theo phương pháp ghi nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán dựa trên số chênh lệch tạm thời giữa cơ sở tính thuế của tài sản và công nợ với giá trị sổ sách của các khoản mục này. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự kiến sẽ áp dụng trong năm tài chính mà tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thu hồi hay thuế thu nhập hoãn lại phải trả dựa trên mức thuế suất có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính;

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ và số lỗ thuế chưa sử dụng trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ và số lỗ tính thuế chưa sử dụng đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xem xét vào ngày kết thúc năm tài chính và được giảm đến mức chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép sử dụng một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại.

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ: Dịch vụ về chăm sóc bảo quản công viên cây xanh thuộc đối tượng không chịu thuế; Dịch vụ về vệ sinh, thoát nước đường phố và các hoạt động khác thuộc đối tượng chịu thuế với thuế suất 10%. Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo phương pháp kê khai với thuế suất 20%. Các loại thuế khác Công ty thực hiện nghĩa vụ thuế theo quy định.



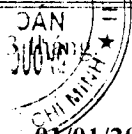
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	31/12/2021	01/01/2021
Tiền mặt tại quỹ	333.430.109	206.926.159
+ Tiền mặt tại quỹ VNĐ	333.430.109	206.926.159
Tiền gửi ngân hàng VNĐ	5.237.953.878	5.516.030.109
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	3.882.194.905	3.901.533.558
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	904.285.185	222.739.941
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển NT Việt Nam	-	1.241.802
- Ngân hàng TMCP An Bình	-	107.515
- Ngân hàng TMCP Phát triển HCM	-	675.797
- Ngân hàng TMCP Nam Á	446.977.424	1.372.364.031
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong	-	12.682.287
- Ngân hàng TMCP Đông Phương	114.102	113.876
- Ngân hàng TMCP Đầu tư phát triển VN (BIDV)	4.382.262	4.571.302
<i>Các khoản tương đương tiền (*)</i>	<i>19.004.300.725</i>	<i>22.004.173.777</i>
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	14.004.300.725	12.004.173.777
- Ngân hàng TMCP Nam Á	5.000.000.000	10.000.000.000
Tổng cộng	24.575.684.712	27.727.136.045

(*) Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi ngắn hạn có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng



2. Các khoản đầu tư tài chính	31/12/2021	01/01/2021
Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn (*)		
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	14.600.000.000	14.600.000.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư phát triển VN (BIDV)	452.890.400	429.280.000
Tổng cộng	15.052.890.400	15.029.280.000

Các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng dùng để ký quỹ đảm bảo cho các Chứng thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng Công ty ký kết với khách hàng.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN GÒ VẤP

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

3. Phải thu khách hàng	31/12/2021	01/01/2021
<i>Ngắn hạn</i>		
- Ban QLDA Đầu tư Xây dựng Công trình quận Gò Vấp	3.098.238.387	3.496.618.000
- Phòng Tài nguyên Môi trường Quận Gò Vấp	5.184.386.248	6.648.924.048
- Phòng Tài chính Kế hoạch Quận Gò Vấp	-	2.490.931.825
- Phòng Quản lý đô thị Quận Gò Vấp	6.500.531.166	1.049.253.102
- Công ty TNHH Xây dựng Thành Phát	1.519.693.780	1.519.693.780
- Công ty Thương nghiệp tổng hợp Gò Vấp	800.000.000	800.000.000
- Công ty TNHH Xây Dựng Thành Phát lộc	214.099.891	214.099.891
- Công ty CP Đầu tư và XD Tài Anh	122.320.000	122.320.000
- Công ty TNHH Nguyễn Gia Huy	254.100.000	254.100.000
- Công ty TNHH XD TM SX XNK Đại Kim Tượng	102.687.940	102.687.940
- Bru điện TT Gia Định	-	200.734.973
- Công ty TNHH Đầu tư Địa Ốc Thành Phố	597.073.519	-
- Các khách hàng khác	595.177.769	377.160.096
Tổng cộng	18.988.308.700	17.276.523.655
4. Trả trước cho người bán		
- Công ty CP Du Lịch và Tiếp thị GT VT Việt Nam - Vietravel	-	360.000.000
- Công ty TNHH Bệnh viện Đa khoa Hồng Đức	-	100.470.000
- Công ty TNHH Xây Dựng Nam Bắc Phú	-	43.900.000
- Các nhà cung cấp khác	57.860.343	16.500.000
Tổng cộng	57.860.343	520.870.000

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN GÒ VẤP

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

5. Các khoản phải thu khác	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>a. Ngắn hạn</i>				
- Dự thu lãi tiền gửi	245.164.960	-	308.264.572	-
- Phải thu về cổ phần hóa	599.580.000	-	599.580.000	-
- Phải thu đội vận chuyển	-	-	371.385.872	-
- Phải thu đội môi trường	-	-	80.858.070	-
- Ký quỹ Công ty TNHH Nước tinh khiết Sài Gòn	700.000	-	700.000	-
- Tạm ứng	34.000.000	-	52.000.000	-
BAN BTGPMB QUẬN GÒ VẤP-cho thuê CC Khang Gia	-	-	172.634.182	-
- Bà Phan Thị Cang (căn hộ 407, lô A CC P5, Gò Vấp)	43.841.280	-	43.841.280	-
- Phải thu khác	28.918.760	-	41.871.992	-
Tổng cộng	952.205.000	-	1.671.135.968	-

6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	31/12/2021	01/01/2021
Công ty TNHH Xây dựng Thành Phát	1.519.693.780	1.519.693.780
Công ty TNHH Xây dựng Thành Phát Lộc	214.099.891	214.099.891
Công ty Thương nghiệp Tổng hợp Gò Vấp	800.000.000	800.000.000
Tổng cộng	2.533.793.671	2.533.793.671

7. Hàng tồn kho	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	482.846.578	-	-	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (*)	497.740.000	-	497.740.000	-
Tổng cộng	980.586.578	-	497.740.000	-

(*) Chi phí kinh doanh dở dang là chi phí bóc mộ chi tiết như sau:

	31/12/2021
- Phường 3 Hợp đồng số 01/HDBM-DVCI ngày 04/04/2017	95.240.000
- Phường 4 Hợp đồng số 02/HDGTBM-DVCI ngày 05/02/2018	59.340.000
- Phường 6 Hợp đồng số 07/HDBM-DVCI ngày 10/11/2017	4.420.000
- Phường 9 Hợp đồng số 06/HDBM-DVCI ngày 08/11/2017	22.640.000
- Phường 10 Hợp đồng số 03/HDBM-DVCI ngày 14/04/2017	58.040.000
- Phường 11 Hợp đồng số 02/HDBM-DVCI ngày 05/04/2017	87.560.000
- Phường 12 Hợp đồng số 01/HDGTBM-DVCI ngày 02/02/2018	102.920.000
- Phường 14 Hợp đồng số 05/HDBM-DVCI ngày 24/10/2017	67.580.000
Tổng cộng	497.740.000

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN GÒ VẤP

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

8. Chi phí trả trước

	31/12/2021	Tăng	Giảm	01/01/2021
a. Ngắn hạn				
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	59.423.981	132.523.820	199.785.435	126.685.596
Tổng cộng	59.423.981	132.523.820	199.785.435	126.685.596,00
b. Dài hạn				
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	141.600.131	53.863.637	284.471.099	372.207.593
Phần mềm kế toán	124.304.581	1.477.241.146	1.579.481.952	226.545.387
Tổng cộng	265.904.712	1.531.104.783	1.863.953.051	598.752.980
9. Tài sản khác				
			31/12/2021	01/01/2021
Tiền thuê đất truy thu			-	5.818.323
Tổng cộng			-	5.818.323



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	PTVT, truyền dẫn	Dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Tổng cộng
Nguyên giá						
Tại ngày 01/01/2021	24.074.336.345	317.792.045	56.544.406.588	501.635.000	299.250.049	81.737.420.027
- Tăng trong năm	-	-	4.422.745.456	70.200.000	-	4.492.945.456
Tại ngày 31/12/2021	24.074.336.345	317.792.045	60.967.152.044	571.835.000	299.250.049	86.230.365.483
Khấu hao lũy kế						
Tại ngày 01/01/2021	8.746.808.267	203.103.728	27.792.759.100	383.895.412	175.993.336	37.302.559.843
- Khấu hao trong năm	887.335.428	35.360.244	5.323.120.808	20.555.004	58.166.688	6.324.538.172
Tại ngày 31/12/2021	9.634.143.695	238.463.972	33.115.879.908	404.450.416	234.160.024	43.627.098.015
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2021	15.327.528.078	114.688.317	28.751.647.488	117.739.588	123.256.713	44.434.860.184
Tại ngày 31/12/2021	14.440.192.650	79.328.073	27.851.272.136	167.384.584	65.090.025	42.603.267.468

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

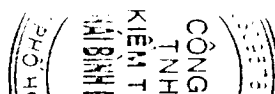
10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình (tiếp theo)

Tại ngày 31/12/2021, Công ty vẫn đang thế chấp tài sản để đảm bảo cho các khoản vay của Quỹ Bảo vệ Môi Trường (thuyết minh số V.21) bao gồm các tài sản dưới đây:

	Nguyên giá	Giá trị còn lại
Xe hút bụi đường biển số 51E-041.45	1.900.755.682	1.251.330.811
Xe hút bụi đường biển số 51E-041.52	1.900.755.682	1.267.170.442
Xe ép rác HINO 50H-084.90	2.947.200.000	2.677.040.000
Xe ép rác KIA 50D-678.80	736.363.637	674.999.997
Xe ép rác KIA 51D-685.03	739.181.819	696.062.883
Tổng cộng	8.224.256.820	6.566.604.133

- Các tài sản cố định đã hết khấu hao còn được sử dụng có nguyên giá là:

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	PTVT, truyền dẫn	Dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Tổng cộng
Tại ngày 31/12/2021	90.909.091	76.280.000	7.752.324.199	374.635.000	-	8.294.148.290



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

11. Bất động sản đầu tư

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
- Tại ngày 01/01/2021	4.512.869.436	(2.051.044.322)	2.461.825.114
- Giảm trong năm	(53.212.914)	53.212.914	-106.425.828
- Tại ngày 31/12/2021	4.459.656.522	(1.997.831.408)	2.461.825.114

Danh mục Bất động sản đầu tư là các căn hộ tái định cư, căn nhà thuộc quyền sở hữu Nhà nước được giao cho Công ty quản lý để cho thuê và bán hộ Nhà nước.

Bất động sản tăng trong năm do nhà nước giao thêm để quản lý; giảm trong năm do bán theo quy định.

12. Tài sản dở dang

Chi phí XD CB dở dang	31/12/2021	Tăng	Giảm	01/01/2021
- Mua sắm TSCĐ	-	4.480.290.911	4.492.945.456	12.654.545
Tổng cộng	-	4.480.290.911	4.492.945.456	12.654.545

13. Phải trả người bán

a. Ngắn hạn	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng BMT	245.755.000	245.755.000	804.576.620	804.576.620
- Công ty TNHH SXTM Dịch vụ Sơn Phạm	-	-	246.400.000	246.400.000
- Công ty TNHH MTV XD DV TM Phát Trân	204.776.110	204.776.110	204.776.110	204.776.110
- Công ty TNHH Xây Dựng Diễm Châu	-	-	975.138.616	975.138.616
- Công ty TNHH MTV Vân Hà Bến Hải	82.720.000	82.720.000	262.020.000	262.020.000
- Công ty CP tư vấn TM và XD Việt Thành	148.690.960	148.690.960	148.690.960	148.690.960
- Công ty TNHH TV TK XD Vũ Hồ	-	-	558.663.297	558.663.297
- Các khách hàng khác	248.973.400	248.973.400	214.181.956	214.181.956
Tổng cộng	930.915.470	930.915.470	3.414.447.559	3.414.447.559

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

14. Người mua trả tiền trước	31/12/2021	01/01/2021
- UBND Phường 12	170.000.000	170.000.000
- UBND Phường 9	10.000.000	10.000.000
- UBND Phường 4	30.000.000	30.000.000
- Các khách hàng khác	15.104.000	13.420.000
Tổng cộng	225.104.000	223.420.000

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2021	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	01/01/2021
- Thuế GTGT	1.508.942.615	12.954.843.958	13.158.394.437	1.712.493.094
- Thuế TNDN	587.485.721	2.276.384.123	2.276.384.123	754.059.094
- Thuế TNCN	404.722.873	505.526.700	942.283.692	841.479.865
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	4.046.623.552	4.046.623.552	-
- Các loại thuế khác	-	8.818.323	3.000.000	(5.818.323)
- Các khoản phải nộp về nhà SHNN (*)	-	663.776.272	1.729.873.698	1.066.097.426
Tổng cộng	2.501.151.209	20.289.399.555	22.156.559.502	4.368.311.156

a. Thuế và các khoản phải thu ngân sách Nhà nước:

	01/01/2021	31/12/2021
Các loại thuế khác	-	5.818.323
Tổng cộng	-	5.818.323

b. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước:

	31/12/2021	01/01/2021
- Thuế GTGT	1.508.942.615	1.712.493.094
- Thuế TNDN	587.485.721	754.059.094
- Thuế TNCN	404.722.873	841.479.865
- Các khoản phải nộp về nhà SHNN (*)	-	1.066.097.426
Tổng cộng	2.501.151.209	4.374.129.479

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

(*) Theo hướng dẫn của công văn số 6047/UBND-CNN ngày 13/11/2013 về việc quản lý, sử dụng tiền cho thuê nhà thuộc sở hữu nhà nước do Ủy ban nhân dân thành phố là đại diện chủ sở hữu đang tạm giao cho các công ty TNHH MTV 100% vốn nhà nước quản lý giữ hộ thì tiền thu được từ việc cho thuê nhà thuộc sở hữu nhà nước sau khi khấu trừ chi phí quản lý và các chi phí hợp lệ khác được nộp vào một mục riêng của ngân sách thành phố.

Việc xác định nghĩa vụ thuế của Công ty căn cứ vào các quy định của Cơ quan Thuế. Số thuế phải nộp theo quyết toán thuế của Công ty chịu sự kiểm tra của Cơ quan Thuế, do đó số thuế trình bày trên Báo cáo tài chính này có thể bị thay đổi theo Quyết định cuối cùng của Cơ quan Thuế.

16. Phải trả công nhân viên	31/12/2021	01/01/2021
- Lương viên chức quản lý	678.502.943	640.192.381
- Lương người lao động	19.052.014.433	23.146.673.075
Tổng cộng	19.730.517.376	23.786.865.456

Công ty tạm trích quỹ tiền lương năm 2021 của viên chức quản lý và người lao động theo Thông tư số 26/2016/TT-BLĐTBXH và Thông tư số 27/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 09 năm 2016 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội hướng dẫn Nghị định số 51/2016/NĐ-CP và Nghị định số 52/2016/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2016 của Chính phủ (Thuyết minh số V12). Hiện Công ty đang chờ quyết định phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền quỹ tiền lương thực hiện năm 2021.

	Năm 2021	Năm 2020
Quỹ lương kế hoạch của người quản lý	3.058.000.008	3.275.166.888
Quỹ thù lao kế hoạch của người quản lý	72.000.000	77.202.720
Quỹ lương kế hoạch của người lao động	69.602.828.988	73.986.327.336
Tổng cộng	72.732.828.996	77.338.696.944

17. Phải trả khác	31/12/2021	01/01/2021
<i>a. Ngắn hạn</i>		
- Kinh phí công đoàn	-	137.203.368
- Ban bồi thường GPMB quận Gò Vấp (tiền trả góp & lãi)	614.594.080	44.647.420
- Ban bồi thường GPMB quận Gò Vấp (cho thuê CC Khang Gia)	249.140.948	
- Các khoản phải hoàn thuế GTGT cho các đội:		
Phạm Văn Hoài	20.371.294	52.542.990
Nguyễn Đắc Thành	56.513.366	86.499.539

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN GÒ VẤP

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

<i>Phải trả ngắn hạn khác (tiếp theo)</i>	31/12/2021	01/01/2021		
- Phải trả các đội thi công (bên có tk 141)	443.671.789	648.704.780		
- Phải trả ngân sách (bán nhà CC Khang Gia, An Strong)	459.700.000	459.700.000		
- Phải nộp 20% doanh thu Làng hoa		-		
- Giữ xe Làng Hoa Gò Vấp	348.931.269	232.667.453		
- Phí khử trùng của công tác bốc mộ	20.700.000	20.700.000		
- Các khoản giữ bảo hành công trình		-		
- Phải trả tiền bán nhà trả góp căn hộ CC P5 cho Quỹ đầu tư	43.841.280	43.841.280		
- Các khoản khác	75.686.356	45.236.922		
Tổng cộng	2.333.150.382	1.771.743.752		
b. Dài hạn	31/12/2021	01/01/2021		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn:				
Công ty Cổ phần Ta Ca	1.000.000.000	1.000.000.000		
Công ty CP Tập đoàn đầu tư Hoàng Gia	400.000.000	400.000.000		
Công ty TNHH MTV Bóng đá mini Phạm Phú Quý	80.000.000	80.000.000		
Nhà 96 Nguyễn Thượng Hiền P.1, Q. Gò Vấp	10.000.000	10.000.000		
Trường THPT Lý Thái Tổ	-	63.000.000		
Các khách hàng khác	5.500.000	Y5.500.000		
Tổng cộng	1.495.500.000	1.558.500.000		
18. Quỹ khen thưởng phúc lợi	31/12/2021	Tăng	Giảm	01/01/2021
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	15.348.392.001	391.250.000	565.304.503	15.522.446.504
Quỹ thưởng ban quản lý điều hành Công ty	5.438.099.410	12.392.626.426	7.635.037.800	680.510.784
Tổng cộng	20.786.491.411	12.783.876.426	8.200.342.303	16.202.957.288
19. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	31/12/2021	01/01/2021		
- Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	1.690.272.726	1.190.272.726		
Tổng cộng	1.690.272.726	1.190.272.726		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

20. Vay và nợ thuê tài chính

a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	31/12/2021		Trong năm 2021		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Vay ngắn hạn ngân hàng	2.734.869.350	2.734.869.350	11.540.022.756	12.719.726.831	3.914.573.425	3.914.573.425
Ngân hàng TMCP Công thương VN- CN9 (*)	2.734.869.350	2.734.869.350	11.540.022.756	12.719.726.831	3.914.573.425	3.914.573.425
- Nợ dài hạn đến hạn trả	825.000.000	825.000.000	825.000.000	1.005.800.000	1.005.800.000	1.005.800.000
Quỹ Bảo vệ Môi trường TPHCM	825.000.000	825.000.000	825.000.000	1.005.800.000	1.005.800.000	1.005.800.000
Tổng cộng	3.559.869.350	3.559.869.350	12.365.022.756	13.725.526.831	4.920.373.425	4.920.373.425

(*) Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 9 cho vay tín chấp theo Hợp đồng cho vay số 050/2021-HĐCVHM/NHCT928-CIGV ngày 18 tháng 06 năm 2021, mục đích vay là bổ sung vốn lưu động với hạn mức 25.000.000.000 đồng (Hai mươi lăm tỷ đồng) được duy trì từ 18/06/2021 đến 18/06/2022, thời hạn của kế ước vay là 6 tháng, lãi suất theo từng thời kỳ được ghi trên Giấy nhận nợ.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

20. Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)

b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	31/12/2021		Trong năm 2021		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Quỹ Bảo vệ Môi trường TPHCM (**)	1.330.000.000	1.330.000.000	2.100.000.000	1.175.000.000	405.000.000	405.000.000
Tổng cộng	1.330.000.000	1.330.000.000	2.100.000.000	1.175.000.000	405.000.000	405.000.000

(**) Số dư vay trung dài hạn của Quỹ Bảo vệ Môi Trường TP Hồ Chí Minh tại ngày 31/12/2021 như sau:

- Vay của Quỹ Bảo vệ Môi Trường theo Hợp đồng tín dụng số 05-2017/HĐTD-QBVMT ngày 14 tháng 9 năm 2017 với số tiền vay 2.700.000.000 đồng, mục đích vay là thực hiện dự án: "Đầu tư mua sắm 02 xe quét hút", thời hạn vay 05 năm. Lãi suất trong hạn là 4,27%. Tài sản đảm bảo cho khoản vay là thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay là 02 xe quét hút bụi mua mới, trọng tải 10 tấn (thuyết minh số V.10). Số tiền gốc vay đã trả đến ngày 31/12/2021 là 2.295.000.000 đồng, số còn phải trả là 405.000.000 đồng.
- Vay của Quỹ Bảo vệ Môi Trường theo Hợp đồng tín dụng số 01-20217/HĐTD-QBVMT ngày 22 tháng 02 năm 2021 với số tiền vay 2.100.000.000 đồng, mục đích vay là thực hiện mua sắm xe chở rác hiệu HINO biển số 50H-084.90, thời hạn vay 05 năm. Lãi suất trong hạn là 4,27%, được điều chỉnh lãi suất trong trường hợp có biến động lớn về lãi cho vay của bên cho vay. Tài sản đảm bảo cho khoản vay là xe chở rác hiệu HINO biển số 50H-084.90, (thuyết minh số V.10). Trả nợ gốc hàng tháng 35.000.000 vnd/tháng trong 60 tháng, đáo hạn tháng 02/2026.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN GÒ VẤP

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

21. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư tại ngày 01/01/2020	30.013.180.504	630.317.088	22.419.493.163	53.062.990.755
Lãi trong năm trước			13.746.405.355	13.746.405.355
Trích các quỹ		3.115.612.450	(22.419.493.163)	(19.303.880.713)
Số dư tại ngày 31/12/2020	30.013.180.504	3.745.929.538	13.746.405.355	47.505.515.397
K/c khoản phải nộp về ngân sách			(1.308.429.151)	(1.308.429.151)
Trích các quỹ			(12.747.876.426)	(12.747.876.426)
Lãi trong năm			12.960.266.030	12.960.266.030
Số dư tại ngày 31/12/2021	30.013.180.504	3.745.929.538	12.650.365.808	46.409.475.850



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN GÒ VẤP

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu	31/12/2021	01/01/2021
Vốn của nhà nước	30.013.180.504	30.013.180.504
c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận	Năm 2021	Năm 2020
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn đầu năm	30.013.180.504	30.013.180.504
+ Vốn cuối năm	30.013.180.504	30.013.180.504
d. Quỹ đầu tư phát triển	Năm 2021	Năm 2020
- Số dư đầu năm	3.745.929.538	630.317.088
Tăng trong năm	-	3.115.612.450
- Số dư cuối năm	3.745.929.538	3.745.929.538
22. Nguồn kinh phí và quỹ khác		
<i>a. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ</i>	Năm 2021	Năm 2020
- Số dư đầu năm	2.461.825.114	2.546.036.614
Giảm trong năm	-	(84.211.500)
- Số dư cuối năm	2.461.825.114	2.461.825.114

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.

	Năm 2021	Năm 2020
01. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	142.448.004.364	172.890.806.754
<i>trong đó:</i>		
Doanh thu hoạt động môi trường, vận chuyển rác	68.525.698.193	135.859.214.137
Doanh thu hoạt động duy tu, xây dựng	64.818.206.766	27.265.715.556
Doanh thu hoạt động hợp tác kinh doanh	4.256.454.539	4.190.454.549
Doanh thu hoạt động thiết kế	408.822.181	564.392.153
Doanh thu hoạt động nhà tang lễ	391.836.367	382.890.914
Doanh thu hoạt động giữ xe Làng hoa	536.646.353	1.060.737.264
Doanh thu hoạt động cho thuê nhà, đất SHNN, chung cư	3.149.990.872	3.178.154.905
Doanh thu hoạt động cho thuê Chung cư Khang Gia	360.349.093	389.247.276
Các khoản giảm trừ doanh thu:	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	142.448.004.364	172.890.806.754

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN GÒ VẤP

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

	Năm 2021	Năm 2020
02. Giá vốn hàng bán		
Giá vốn hoạt động môi trường, vận chuyển rác	55.547.193.400	113.020.537.713
Giá vốn hoạt động duy tu, xây dựng	54.021.158.426	26.568.286.935
Giá vốn hoạt động hợp tác kinh doanh	2.903.739.448	1.789.036.098
Giá vốn hoạt động thiết kế	657.882.773	689.236.727
Giá vốn hoạt động nhà tang lễ	627.575.017	750.752.422
Giá vốn hoạt động giữ xe Làng hoa	1.152.806.802	1.631.729.702
Giá vốn hoạt động cho thuê nhà, đất SHNN, chung cư	3.149.990.872	2.406.322.030
Tổng cộng	118.060.346.738	146.855.901.627
03. Doanh thu hoạt động tài chính		
Lãi tiền gửi ngân hàng	1.227.666.056	1.637.537.207
Tổng cộng	1.227.666.056	1.637.537.207
04. Chi phí tài chính		
Chi phí lãi vay	563.775.685	915.226.791
Tổng cộng	563.775.685	915.226.791
05. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên quản lý	6.769.978.431	8.159.771.437
Chi phí đồ dùng văn phòng	101.207.423	177.047.310
Chi phí khấu hao tài sản cố định	80.765.400	1.033.858.615
Thuế, phí và lệ phí	545.561.242	4.636.100
Chi phí khác	2.528.631.449	1.869.829.289
Tổng cộng	10.026.143.945	11.245.142.749
06. Thu nhập khác		
Thanh lý TSCĐ, CCDC	-	442.360.132
Thu nhập khác	44.672.728	117.470.915
Tổng cộng	44.672.728	559.831.047
07. Chi phí khác		
Chi phí khác	-	75.431.948
Tổng cộng	-	75.431.948

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN GÒ VẤP

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

	Năm 2021	Năm 2020
08. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố		
Chi phí nguyên liệu, vật liệu;	8.754.426.113	27.434.626.889
Chi phí nhân công;	19.598.602.010	24.510.471.072
Chi phí khấu hao tài sản cố định;	6.324.538.172	5.762.786.216
Chi phí khác	93.408.924.388	100.393.160.199
Tổng cộng	128.086.490.683	158.101.044.376
09. Chi phí thuế TNDN hiện hành	Năm 2021	Năm 2020
Lợi nhuận kế toán trước thuế	15.070.076.780	15.996.471.893
Cộng các khoản chi phí không được trừ	-	75.431.948
Thu nhập tính thuế	15.070.076.780	16.071.903.841
Thuế suất thuế tndn	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.014.015.356	3.214.380.768
Giảm thuế NQ92 -covid (30%)	904.204.607	964.314.230
Chi phí thuế TNDN hiện hành	2.109.810.750	2.250.066.538

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

	Năm 2021	Năm 2020
1. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ:	13.640.022.756	20.192.543.980
2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ:	14.075.526.831	23.733.334.415

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty vừa có thể hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các thành viên thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN GÒ VẤP

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác nhận giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV.

Các loại công cụ tài chính

Tài sản tài chính	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tiền và các khoản tương đương tiền	24.575.684.712	-	27.727.130.045	-
Các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác	19.940.513.700	(2.533.793.671)	18.947.659.623	(2.533.793.671)
Tổng cộng	44.516.198.412	(2.533.793.671)	46.674.789.668	(2.533.793.671)
Công nợ tài chính			31/12/2021	01/01/2021
Phải trả người bán, phải trả khác			4.759.565.852	6.744.691.311
Chi phí phải trả ngắn hạn			9.890.449	
Các khoản vay			4.889.869.350	5.325.373.417
Tổng cộng			9.659.325.651	12.070.064.730

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

a. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá trị thị trường có các loại rủi ro: Rủi ro tiền tệ, Rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

(i) Quản lý rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá. Công ty được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo là đồng tiền Việt Nam, đồng tiền giao dịch chính của Công ty cũng là đồng Việt Nam. Rủi ro tiền tệ của Công ty là không có vì Công ty không sử dụng tiền bằng ngoại tệ.

(ii) Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty có các rủi ro lãi suất đối với các tài sản và công nợ tài chính mà Công ty được hưởng hoặc phải chịu lãi suất. Hiện tại Công ty ghi nhận các khoản tài sản tài chính và công nợ tài chính theo nguyên tắc giá gốc trừ các khoản dự phòng giảm giá, do vậy, Công ty chỉ chịu rủi ro về luồng tiền đối với các khoản lãi suất phải thu / phải trả. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngân hàng và tiền gửi có kỳ hạn của Công ty.

Công ty sẽ tiến hành việc phân tích và trình bày độ nhạy do tác động của biến động lãi suất đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty khi có các hướng dẫn cụ thể được ban hành bởi các cơ quan quản lý.

(iii) Quản lý rủi ro về giá khác (Rủi ro về giá cổ phiếu)

Công ty không có rủi ro về giá (rủi ro cổ phiếu)

b. Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến Công ty phải gánh chịu tổn thất tài chính. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng và công cụ tài chính khác).

Đối với các khoản phải thu, Công ty thường xuyên theo dõi và đánh giá các khoản phải thu và lập dự phòng cho khoản phải thu khó đòi kịp thời cho từng khách hàng (nếu có) khi lập báo cáo tài chính.

c. Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản của Công ty được quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa nợ phải trả đến hạn trả và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể kiểm soát được đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì mức dự phòng tiền mặt và tiền gửi, nguồn vốn mà chủ sở hữu cam kết góp.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN GÒ VẤP

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Tài sản tài chính	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm	Cộng
Tiền và các khoản tương đương tiền	24.575.684.712		24.575.684.712
Các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác	19.940.513.700	-	19.940.513.700
Tổng cộng	44.516.198.412	-	44.516.198.412

Công nợ tài chính	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm	Cộng
Phải trả người bán, phải trả khác	3.264.065.852	1.495.500.000	4.759.565.852
Chi phí phải trả ngắn hạn	9.890.449		9.890.449
Các khoản vay	3.559.869.350	1.330.000.000	4.889.869.350
Tổng cộng	6.833.825.651	2.825.500.000	9.659.325.651

Chênh lệch thanh khoản thuần	37.682.372.761	(2.825.500.000)	34.856.872.761
-------------------------------------	-----------------------	------------------------	-----------------------

Tại ngày 01 tháng 01 năm 2021

Tài sản tài chính	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm	Cộng
Tiền và các khoản tương đương tiền	27.727.130.045		27.727.130.045
Các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác	18.947.659.623	-	18.947.659.623
Tổng cộng	46.674.789.668	-	46.674.789.668

Công nợ tài chính	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm	Cộng
Phải trả người bán, phải trả khác	5.186.191.311	1.558.500.000	6.744.691.311
Các khoản vay	4.920.373.425	405.000.000	5.325.373.425
Tổng cộng	10.106.564.736	1.963.500.000	12.070.064.736

Chênh lệch thanh khoản thuần	36.568.224.932	(1.963.500.000)	34.604.724.932
-------------------------------------	-----------------------	------------------------	-----------------------

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu được từ các tài sản tài chính đáo hạn.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN GÒ VẤP

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

2. Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan bao gồm:

- Ông Ngô Hệ Chính

- Ông Võ Quang Sơn

- Ông Bùi Minh Quang

- Ông Đỗ Văn Mạnh

- Ông Phan Xuân Thiện

- Ông Nguyễn Ngọc Thụy

- Ông Lê Thành Tín

Chức vụ

Chủ tịch

Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc

Thành viên HĐQT

Kiểm soát viên

Phó Giám đốc

Phó Giám đốc

Kế toán trưởng

3. Thu nhập của HĐQT, Ban Giám đốc, Kiểm soát viên và Kế toán trưởng

Năm 2021	Năm 2020
2.952.727.600	3.155.525.511

4. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh đầu năm 2021 đã được kiểm toán

5. Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Ngày 07/5/2019 Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành quyết định số 1738/QĐ-UBND về quy định phân công thực hiện Quy trình chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần. Công ty đang tiến hành các thủ tục theo quy định.

Người lập biểu

Huỳnh Mỹ Phương

Kế toán trưởng

Lê Thành Tín

Ngày 26 tháng 01 năm 2022

Giám đốc



Võ Quang Sơn